

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 206/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 30-10-2018.

V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Phước Công.

2. Ông Trinh Văn Bé.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Ngọc Ký – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Ông Tôn Văn Xuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 440/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân gia đình “ Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2018/QĐXX-ST ngày 20 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị T – Sinh năm 1976. Cư trú: 341/7A, khóm Tây K1, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. ***Bị đơn:*** Anh Phạm Văn Đ – sinh năm 1979. Cư trú: Ấp K, xã A, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Đ chung sống với nhau vào năm 2000 đến năm 2007 đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm do không phù hợp tính tình, nên cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2015 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn yêu cầu được ly hôn với chồng là Phạm Văn Đ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Thị Kim X – sinh ngày 09/8/2001. Khi ly hôn yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: không có.

Bị đơn anh Phạm Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh Đ không đến, không gửi ý kiến bằng văn bản, nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đối với anh Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy anh Đ chấp hành pháp luật tố tụng chưa nghiêm. Về giải quyết vụ án, hôn nhân giữa chị T và anh Đ là hợp pháp vì có đăng ký kết hôn. Vợ chồng mâu thuẫn và có thời gian dài và không còn chung sống đã lâu, nên vợ chồng không thể hàn gắn, Chị T đang nuôi con, yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Do đó yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].*Về thủ tục tố tụng*: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn Đ, anh Đ có nơi cư trú tại ấp K, xã A, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Phạm Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2].*Về nội dung*

[2.1].*Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn Đ là hợp pháp vì anh chị có đăng ký kết hôn. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng vợ chồng mâu thuẫn bất đồng quan điểm, mục đích hôn nhân không đạt vì không chung sống với nhau từ năm 2015 đến nay, anh Đ bỏ về sinh sống với gia đình tại xã A không ai quan tâm đến nhau. Qua xác minh tại địa phương cũng nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn và không còn sống chung nhau nên mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nghị nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[2.2].*Về quan hệ con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Thị Kim X – sinh ngày 09/8/2001, hiện chị T đang nuôi dưỡng, khi ly hôn yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy con chung hiện chị T nuôi dưỡng cuộc sống đã ổn định, Tòa án có hỏi ý kiến nguyên vọng của cháu X là muốn được sinh sống với chị T. Vì vậy, nghĩ nên tiếp tục giao con chung cho T nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị T cùng các thành viên gia đình (nếu có) **không** được cản trở anh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung

dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[2.3]. *Về tài sản*: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. *Về nợ chung*: Ghi nhận chị Nguyễn Thị T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[2.5] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147; Điều 273, điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T xin ly hôn với anh Phạm Văn Đ.

[2]. Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị T được nuôi con chung tên Phạm Thị Kim X – sinh ngày 09/8/2001, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị T cùng các thành viên gia đình (nếu có) **không** được cản trở anh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[2.3]. *Về tài sản*: Không yêu cầu giải quyết.

[2.4]. *Về nợ chung*: Ghi nhận chị Nguyễn Thị T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[5]. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0019789 ngày 15/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành

án dân sự./.

nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- UBND xã Long Điền B
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình

